TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2025
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên và ông Nguyễn Đức Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 491/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 555/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 381/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt

Người được chị Chính ủy Q về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Vũ Thị C1, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Minh H, sinh năm 1988; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn X, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Minh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 30/11/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ anh H. Năm 2017, chị và anh H thống nhất để chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đến năm 2022, vợ chồng chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống. Bản thân anh H không chung thủy với chị, chị đã tha thứ nhiều lần nhưng anh H không thay đổi thậm chí còn chửi bới, xúc phạm chị. Năm 2023, anh H cũng sang Đài Loan làm việc nhưng vợ chồng không ở cùng nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Đỗ Đức T, sinh ngày 04/8/2016. Hiện cháu T đang ở cùng anh H và ông bà nội là Đỗ Văn X và Nguyễn Thị P. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị và anh H đều ở nước ngoài nên chị ủy quyền cho ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh H là 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị C không cung cấp được địa chỉ của anh Đỗ Minh H ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H. Ông Đỗ Văn X (là mẹ đẻ anh H) đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình ông qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị C xin ly hôn, anh H đồng ý. Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Đức T, sinh ngày 04/8/2016. Sau khi ly hôn, anh xin được nuôi con chung. Chị C tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh là 2.000.000 đồng/1 tháng, anh nhất trí. Anh H nhờ ông chăm sóc cháu T trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam, ông X đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị C, ông X vắng mặt và đều có quan điểm xin vắng mặt. Anh H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C ly hôn anh Đỗ Minh H. Về con chung: Giao cho anh H nuôi dưỡng cháu Đỗ Đức T, sinh ngày 04/8/2016 đến khi cháu trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh H mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu T cho ông Đỗ Văn X (là ông nội) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H về Việt Nam. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C và bị đơn anh Đỗ Minh H hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, cùng có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị C không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị C và gia đình anh H cung cấp địa chỉ, nhưng chị C và gia đình anh H không cung cấp được. Ông Đỗ Văn X là bố đẻ anh H xác định anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, chị C có đơn xin ly hôn, anh H đã biết nhưng không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị C, ông X vắng mặt và đều có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia

đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Minh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 30/11/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Chính xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị C trình bày là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, anh H không chung thủy với chị. Năm 2017, chị C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Năm 2023, anh H cũng sang Đài Loan làm việc nhưng vợ chồng không chung sống cùng nhau. Nay chị C và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị C xin ly hôn, anh H đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị C và anh H đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị C được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Minh H có 01 con chung là Đỗ Đức T, sinh ngày 04/8/2016. Hiện nay cháu T đang ở cùng ông nội là Đỗ Văn X. Sau khi ly hôn, chị C và anh H đều có quan điểm giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng. Trong thời gian ở nước ngoài, anh H ủy quyền cho ông X nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T cho đến khi anh H về Việt Nam, ông X đồng ý. Xét thấy, cháu T đã sinh sống ổn định cùng anh H và ông X, cháu T cũng có nguyện vọng muốn ở cùng bố và ông nội. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm giao cháu T cho ông X chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H về Việt Nam.

Về cấp dưỡng cho con: Chị C tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh H nhất trí. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị C.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C ly hôn anh Đỗ Minh H.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Đỗ Minh H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đỗ Đức T, sinh ngày 04/8/2016 kể từ tháng 01/2025 cho đến khi cháu Trọng tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H là 2.000.000 đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu T cho ông Đỗ Văn X (là ông nội) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị C chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) do chị Vũ Thị C1 nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0005171 ngày 02 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị C đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất